

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 03 - 2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thanh Lịch

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngôn Thị Liêm

Ông Hoàng Văn Dự

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Triệu Thị Thu Hương – Thư ký
Toà án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:
Bà Nông Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 03 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lã Thị P, sinh năm 1979. Trú tại: Xóm N, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Minh T, sinh năm 1976. Trú tại: Xóm N, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2022 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là bà Lã Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lã Thị P và ông Trần Minh T kết hôn năm 2002, trước khi kết hôn hai bên được tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng). Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận, sau khi bà Lã Thị P sinh con đầu lòng vào năm 2006 vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Trần Minh T thường xuyên uống rượu, dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã, xô xát, tình cảm vợ chồng rạn nứt. Ngoài ra, ông Trần

Minh T còn ngoại tình với người khác. Từ lâu vợ chồng đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau mà tự lo cho cuộc sống của riêng mình, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Hiện tại bà Lã Thị P xác định bản thân không còn tình cảm với ông Trần Minh T và cũng đã có tình cảm với người khác nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Bà được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Lã Thị P và ông Trần Minh T có hai con chung là cháu Trần Thị Thảo V, sinh ngày 23/07/2002 và cháu Trần Thành N, sinh ngày 13/07/2006. Bà Lã Thị P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thành N đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Trần Minh T cấp dưỡng nuôi con. Còn cháu Trần Thị Thảo V hiện nay đã trưởng thành, phát triển bình thường và đã tự nuôi sống được bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lã Thị P xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/12/2022 bị đơn là ông Trần Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Minh T xác nhận vợ chồng ông tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2001, đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền đúng như bà Lã Thị P trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì to tát, đôi khi có to tiếng nhưng sau đó hai vợ chồng lại hòa thuận, cuộc sống diễn ra bình thường. Nay bà Lã Thị P yêu cầu ly hôn ông Trần Minh T không nhất trí vì không muốn chia rẽ gia đình, hiện nay bản thân Ông vẫn còn tình cảm với bà Lã Thị P, hai con đang trong độ tuổi phát triển nên việc ly hôn sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các con.

Về con chung: Ông Trần Minh T xác nhận vợ chồng có hai con chung như bà Lã Thị P trình bày. Trường hợp ly hôn, đối với cháu Trần Thị Thảo V đã trưởng thành có thể tự lo được cuộc sống của mình, Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Trần Thành N, ông Trần Minh T tôn trọng theo ý kiến của cháu. Nếu cháu muốn sống cùng mẹ ông Trần Minh T vẫn đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Minh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 68, 70 – 73, 93 – 99 Bộ luật tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và các đương sự đúng quy định tại các Điều 195, 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị P được ly hôn với ông Trần Minh T.

Về con chung: Giao con chung Trần Thành N cho bà Lã Thị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được phép ngăn cản.

Về án phí: Bà Lã Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn Trần Minh T hiện đang cư trú tại xóm N, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Về sự vắng mặt của bị đơn tại phiên tòa: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho ông Trần Minh T theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ông Trần Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát và bà Lã Thị P không đề nghị hoãn phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Minh T theo quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lã Thị P và ông Trần Minh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/7/2002 tại Ủy ban nhân dân Thị trấn H, huyện T, tỉnh Cao Bằng (nay là thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng), do vậy quan hệ hôn nhân giữa bà Lã Thị P và ông Trần Minh T là hợp pháp.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bà Lã Thị P trình bày sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông Trần Minh T thường xuyên uống rượu, dẫn tới vợ chồng xảy ra nhiều cãi vã, xô xát, tình cảm vợ chồng rạn nứt và ông Trần Minh T còn ngoại tình với người khác. Còn ông Trần Minh T trình bày vợ chồng không có mâu thuẫn gì to tát, đôi khi có to tiếng nhưng sau đó hai vợ chồng lại hòa thuận, cuộc sống diễn ra bình thường,

hiện tại Ông còn tình cảm với bà Lã Thị P và không muốn việc ly hôn ảnh hưởng đến sự phát triển của các con nên không nhất trí ly hôn.

Tuy nhiên qua xem xét, đánh giá các tài liệu chứng cứ đã được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng trên thực tế cuộc sống hôn nhân của bà Lã Thị P và ông Trần Minh T thường xuyên xảy ra cãi vã, có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình, anh em họ hàng đã nhắc nhở, khuyên giải nhiều lần nhưng bà Lã Thị P vẫn kiên quyết ly hôn. Ngoài ra, có căn cứ chứng minh trong quá trình chung sống ông Trần Minh T ngoại tình với người khác. Ông Trần Minh T cho rằng bản thân còn yêu thương và có tình cảm với vợ nhưng lại không có bất kỳ phương pháp, động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Cho thấy tình trạng hôn nhân của bà Lã Thị P và ông Trần Minh T đã thực sự lâm vào trầm trọng, vợ chồng không chung thủy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà Lã Thị P có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Lã Thị P và ông Trần Minh T xác nhận Ông Bà có hai con chung là Trần Thị Thảo V, sinh ngày 23/07/2002 và Trần Thành N, sinh ngày 13/07/2006. Hiện nay cháu Trần Thị Thảo V đã trưởng thành, bà Lã Thị P và ông Trần Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Trần Thành N, do ông Trần Minh T làm nghề lái xe, thường xuyên đi làm xa không đảm bảo thời gian trông nom, chăm sóc cháu nên giao cháu Trần Thành N cho bà Lã Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu Trần Thành N đủ 18 tuổi, cũng hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng được sống cùng mẹ của cháu Trần Thành N. Ông Trần Minh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lã Thị P và ông Trần Minh T xác định Ông Bà không có tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Án phí*: Bà Lã Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét các đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa về các vấn đề trong vụ án là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lã Thị P.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lã Thị P được ly hôn với ông Trần Minh T.

2. *Về con chung:* Bà Lã Thị P được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Thành N, sinh ngày 13/7/2006 đến khi cháu Trần Thành N đủ 18 tuổi. Ông Trần Minh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, ông Trần Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Lã Thị P và ông Trần Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. *Về án phí:* Bà Lã Thị P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004229 ngày 24 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Cao Bằng

5. *Về quyền kháng cáo:* Bà Lã Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trần Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND Thị trấn T;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HĐXX SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thanh Lịch